

Bản án số: 436/2023/HS-PT
Ngày 04 – 7 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Túu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 và 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 177/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và các bị cáo khác.

Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1/ **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1970 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: C16A, đường L, khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công chức, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ Nguyễn Thị Ngọc X và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2/ **Huỳnh Trung T1**, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1967 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công chức, nguyên Quyền Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Quang V1 (đã chết) và bà Trần Thị Q; có vợ Lư Thị Ái V2 và 02 người con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/12/2019, đến ngày 01/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm

đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3/ **Nguyễn Việt H**, sinh ngày 03 tháng 04 năm 1976 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công chức, nguyên Chuyên viên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V3 và bà Nguyễn Thị D; có vợ Trần Thị Thanh B và 01 người con (sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4/ **Trần Tuấn A**, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1986 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số C, đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: nguyên Nhân viên hợp đồng Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H1 và bà Lê Thị Kim H2; có vợ Trần Bạch T2 và 01 người con (sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/12/2019, đến ngày 13/5/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1/ **Lê Văn V4**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1976 tại Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Nơi ở: Số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công chức, nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B1 và bà Trần Thị Ú; có vợ Nguyễn Thị Cẩm T3 và 01 người con (sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/12/2019, đến ngày 01/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2/ **Lê Văn T4**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1984 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số C, đường F, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công chức, nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C; có vợ Nguyễn Thụy Như Q1 và có 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/7/2020, đến ngày 23/12/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3/ **Lê Hồng K**, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1982 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số C, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công chức, nguyên Chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy K1 và bà Lê Thị C1; có vợ Nhan Thị Kim T5 và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/12/2019, đến ngày

13/5/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/ Luật sư Phạm Hồng D1 và Luật sư Nguyễn Trường T6, Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố C bào chữa cho bị cáo Lê Văn V4 (có mặt)

2/ Luật sư Nguyễn Văn Đ, Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố C bào chữa cho bị cáo Lê Hồng K (có mặt).

3/ Luật sư Trịnh Hữu B2, Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố C bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trung T1 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (không kháng cáo):*

1. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1980. Chức vụ: Chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B. Nơi cư trú: Số A, đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Ngũ Thúy Châu. Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận B, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu dân cư N, đường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

3. Đường Văn K2, sinh năm 1988. Chức vụ: Chuyên viên Chi nhánh VPĐKĐĐ quận B. Nơi cư trú: Số F, đường P, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

4. Lê Thanh Đ1, sinh năm 1987. Chức vụ: Chuyên viên Chi nhánh VPĐKĐĐ quận B. Nơi cư trú: Số B, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Nguyễn Hồng V5, sinh năm 1978. Chức vụ: Chuyên viên Chi nhánh VPĐKĐĐ quận B. Nơi cư trú: Số E, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

6. Tiêu Văn T7, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp D, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Số A, đường số A, khu E Hồ N, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; Số C, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

7. Lê Đức T8, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Số B, đường L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Sử Quang T9, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số B, khu vực 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Số N, đường số C, KĐTM H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

9. Nguyễn Thị Thanh T10, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số A, đường H, phường H, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.

10. Phan Huỳnh T11, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số A, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

11. Nguyễn Vũ Phương K3, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số A, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

12. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số C, tổ A, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

13. Nguyễn Thanh D2. Chỗ ở: Khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

14. Nguyễn Thanh C2. Nơi cư trú: Khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

15. Nguyễn Thị Thu T12, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số C, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

16. Dương Ngọc L, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Số C, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

17. Nguyễn Hoàng Vương Linh T13, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số F, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

18. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B, thành phố Cần Thơ; Trụ sở: Khu hành chính quận B, thành phố Cần Thơ.

19. Đại diện Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Cần Thơ – Sở Tài chính thành phố C; Nơi làm việc: Số A, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

20. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C; Trụ sở: Số I, đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

21. Đại diện Sở Xây dựng thành phố C; Trụ sở: Số B, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thế T14, Chức vụ: Trưởng phòng Quy hoạch – Kiến trúc và ông Huỳnh Trung K4, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý xây dựng.

(Trong vụ án này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong công tác quản lý đất đai tại quận B, thành phố Cần Thơ, các dự án được thu hồi đất, được theo dõi quản lý cùng với kế hoạch sử dụng đất hàng năm để đảm bảo định hướng quy hoạch đã đề ra. Trong đó:

Dự án đường nối Cách Mạng Tháng T15 đến đường T: được quy hoạch theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 24/02/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị T và Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 21/7/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 hai bên đường V, được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 20/01/2016, tổng chiều dài tuyến đường 5,333km; lộ giới 40m.

Dự án Khu đô thị mới Võ Văn K5: ngày 09/12/2016, Hội đồng nhân dân thành phố C ban hành Nghị quyết số 65/NQ-HĐND thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2017 và các dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) (viết tắt là Nghị quyết số 65) trong đó có dự án Khu đô thị M diện tích 35 ha, là một phần của Đề án khai thác quỹ đất thành phố giai đoạn 2017-2021 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội về việc chủ trương thực hiện đề án khai thác quỹ đất thành phố, giai đoạn 2017-2021 (Khu đô thị M, quận B và khu đất nhà nước quản lý tiếp giáp đường T nổi dài, quận N) (viết tắt là Nghị quyết số 66). Ngày 13/01/2017, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án khai thác quỹ đất thành phố giai đoạn 2017-2021 (viết tắt là Quyết định số 99), đề án quy định giao cho Ủy ban nhân dân quận B tổ chức quản lý quy hoạch chi tiết 1/2000 không để tình trạng chia lô, phân nền trái phép, xây dựng nhà và công trình kiến trúc vi phạm quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất,... tổ chức công bố chủ trương thu hồi đất thuộc phạm vi đề án.

Ngày 16/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Công văn số 5248/UBND-KT về việc triển khai Nghị quyết số 65. Ngày 17/01/2017, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 141 triển khai Công văn số 5248/UBND-KT của Ủy ban nhân dân thành phố C và Nghị quyết số 65.

Ngày 28/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 774/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu đô thị mới Võ Văn K5, đoạn từ Rạch S đến Rạch M, diện tích 35 ha, thời gian thực hiện 2017-2018. Ngày 11/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND thay thế Quyết định 774/QĐ-UBND.

Ngày 05/4/2017, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 787/UBND-XDCB về việc triển khai quyết định số 774/QĐ-UBND. Ngày 17/4/2017, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 866/UBND-XDCB về việc bổ sung, điều chỉnh nội dung Công văn số 787/UBND-XDCB.

Từ năm 2015 trình tự thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất tại phường L, quận B được thực hiện như sau:

Người sử dụng đất có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất liên hệ bộ phận một cửa của Phòng T để cung cấp tài liệu liên quan đến thửa đất muốn chuyển, bộ phận một cửa tiếp nhận chuyển tổ đo đạc thuộc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, tổ đo đạc phân công cán bộ đo đạc phụ trách đo đạc tại phường L gồm có: Trần Tuấn A, Lê Hồng K, Lê Thanh Đ1, Đường Văn K2, Nguyễn Hồng V5. Các cán bộ được giao hồ sơ tiến hành đo, kiểm tra, thẩm định diện tích đất xin chuyển mục đích sử dụng, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của quận B, phù hợp với quy hoạch và đáp ứng quỹ đất tại địa phương thì mới cho phép người sử dụng đất được thực hiện, chuyển đến P - Tổ trưởng tổ đo đạc hoặc Lê Hồng K - Tổ phó kiểm tra lại hồ sơ, mảnh trích đo địa chính và chuyển đến Lê Văn T4 hoặc Ngũ Thúy C3 - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký duyệt mảnh trích đo địa chính gửi kết quả cho người sử dụng đất. Nhận được kết quả, người sử dụng đất nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất theo diện tích đất đã được thẩm định vào bộ phận một cửa theo quy trình ISO, gồm: đơn

yêu cầu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản đo đạc (bản có ký giáp ranh, bản vẽ xác định ranh giới, mốc giới, phiếu xác nhận kết quả đo đạc, biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất và mảnh trích đo). Tiếp theo, hồ sơ chuyển đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để soạn thảo tờ trình, trình cho Huỳnh Trung T1 - Quyền Giám đốc Văn phòng kiểm tra hồ sơ ký nháy tờ trình đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyển đến Lê Văn V4 - Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường hoặc Trương Tấn T16 - Phó Trưởng phòng kiểm tra lại hồ sơ, ký tờ trình chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B, Chuyên viên văn phòng Ủy ban nhân dân quận B là Trần Bảo H4 thẩm tra tính hợp pháp của hồ sơ, chuyển đến Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân quận B ký quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Với trình tự như trên, từ năm 2015 đến năm 2017, các cán bộ đo đạc, các bộ kiểm tra, trích xuất mảnh trích đo địa chính, dự thảo, ký nháy tờ trình, ký tờ trình, ký quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã thực hiện không đúng kế hoạch sử dụng đất năm 2015 được ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 15/4/2015, kế hoạch sử dụng đất năm 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 22/3/2016, kế hoạch sử dụng đất năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố C phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2015, 2016, 2017 của quận B và Nghị quyết số 65 đã cho phép người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất, với diện tích 14.727,91m², có giá trị quyền sử dụng đất là 9.906.433.000 đồng tại phường L, quận B, thành phố Cần Thơ từ đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa sang đất ở đô thị. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 02/11/2015, Trần Tuấn A tiếp nhận yêu cầu của ông Sử Quang T9 chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại thửa 2253, tờ bản đồ số 15 do ông T9 có quyền sử dụng, với diện tích 230m². Tuấn A tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. Theo kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020, thửa đất trên được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, theo quy hoạch xây dựng chức năng là khu đất ở biệt thự theo quy hoạch hai bên đường V, nhưng Trần Tuấn A thẩm định phù hợp quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và đáp ứng quỹ đất tại địa phương. Ngày 06/11/2015, Nguyễn Việt H kiểm tra mảnh trích đo địa chính thống nhất chuyển đến Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính vào ngày 09/11/2015, Huỳnh Trung T1 kiểm tra hồ sơ ký nháy tờ trình, ngày 17/11/2015 Lê Văn V4 ký tờ trình số 841/PTNMT chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị cho ông T9 được chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 19/11/2015, Nguyễn Văn T ký quyết định số 4334/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ hai: Ngày 27/11/2015, ông Lê Đức T8 nộp 05 yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại các thửa 380, 481, 331, 785, 322, tờ bản đồ số 13 do ông T8 có quyền sử dụng, với tổng diện tích 5.522,7m². Trần Tuấn A tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. Theo kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020, 05 thửa đất trên có 4.552,27m² đất được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, quy hoạch chức năng là đường giao thông thuộc dự án đường N đến đường T và quy hoạch nhà vườn khu T, nhưng Trần Tuấn A thẩm định phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và

đáp ứng quỹ đất tại địa phương. Ngày 08/12/2015, Nguyễn Việt H kiểm tra hồ sơ thống nhất xuất mảnh trích đo địa chính, ngày 09/12/2015 Lê Văn T4 ký mảnh trích đo, ngày 25/12/2015 Huỳnh Trung T1 kiểm tra hồ sơ ký nháy tờ trình chuyển đến Lê Văn V4 ký các tờ trình số 916, 959, 960, 962, 963, 964 rồi chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho ông T8. Ngày 30/12/2015, Nguyễn Văn T đã ký các quyết định số 4899, 4900, 4901, 4902, 4903, 4904/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Trong đó, thửa số 380 với diện tích 640m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa số 481 với diện tích 291,9m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa số 331 với diện tích 2.304,4m² có 2.201,49m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa số 785 với diện tích 1.123,6m² có 334,64m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa số 322 với diện tích 1.162,8 m² có 1.084,24m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ ba: Ngày 08/12/2015, bà Nguyễn Thị Thanh T10 có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại thửa 401, tờ bản đồ số 15 do bà T10 có quyền sử dụng, với diện tích 930,9m². Lê Hồng K tiếp nhận, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2015, thửa đất trên được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, quy hoạch xây dựng chức năng là khu đất ở biệt thự theo quy hoạch hai bên đường V, nhưng Lê Hồng K xác định phù hợp quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và đáp ứng quỹ đất tại địa phương. Ngày 28/12/2015, Nguyễn Việt H kiểm tra hồ sơ, mảnh trích đo địa chính, ngày 28/12/2015 Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình, ngày 19/01/2016 Lê Văn V4 ký tờ trình số 37/PTNMT chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất cho bà T10 vì phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2015 quận B. Ngày 22/01/2016, Nguyễn Văn T ký quyết định số 305/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ tư: Ngày 05/01/2016, Nguyễn Hồng V5 tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu của ông Phan Huỳnh T11 về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại thửa 2397, tờ bản đồ số 15, với diện tích 63,2m². Theo kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020, thửa đất trên được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, theo quy hoạch xây dựng chức năng là khu đất ở biệt thự theo quy hoạch hai bên đường V, nhưng Nguyễn Hồng V5 xác định phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2015 và quỹ đất tại địa phương. Ngày 11/01/2016, Nguyễn Việt H kiểm tra thống nhất nội dung mảnh trích đo địa chính, cùng ngày Ngũ Thúy C3 ký duyệt mảnh trích đo địa chính, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình. Ngày 29/01/2016 Lê Văn V4 ký tờ trình số 02/PTNMT chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất cho ông T11. Ngày 02/02/2016 Nguyễn Văn T ký quyết định số 375/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ năm: Ngày 12/4/2016, Đường Văn K2 tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Vũ Phượng K3 về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại thửa 1466, tờ bản đồ số 15, với diện tích 1.087m². Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2016, thửa đất trên được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, quy hoạch chức năng

là khu đất nhà vườn theo quy hoạch hai bên đường V, nhưng K2 xác định phù hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2016, đáp ứng quỹ đất tại địa phương. Ngày 12/4/2016, Lê Hồng K kiểm tra kết quả trích đo địa chính, cùng ngày Ngũ Thúy C3 ký duyệt mảnh trích đo địa chính, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình. Ngày 12/4/2016 Trương Tấn T16 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận B ký tờ trình số 50/PTNMT chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất cho bà K3. Ngày 13/4/2016 Nguyễn Văn T ký quyết định số 977/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ sáu: Ngày 02/8/2016, bà Nguyễn Thị Thanh T10, nộp 01 hồ sơ yêu cầu tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại thửa 1535, tờ bản đồ số 15, với diện tích 283,7m². Lê Thanh Đ1 tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2016, thửa đất trên có 56.39m² được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, theo quy hoạch xây dựng chức năng là khu đất ở biệt thự quy hoạch hai bên đường V, nhưng Đ1 xác định tất cả diện tích phù hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2016, quy hoạch sử dụng đất và quỹ đất tại địa phương. Ngày 26/8/2016 Nguyễn Việt H kiểm tra mảnh trích đo địa chính, ngày 26/8/2016, Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình. Ngày 01/9/2016 chuyển đến Lê Văn V4 ký tờ trình số 217/PTNMT rồi chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất cho bà T10. Ngày 07/9/2016, Nguyễn Văn T ký quyết định số 2220/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thửa đất đã tách thành 02 thửa 2494, 2495. Trong đó, thửa số 2495, với diện tích 57.7 m² có 56.39m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ bảy: Ngày 12/9/2016, bà Nguyễn Thị Thanh T10, nộp yêu cầu tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại tờ bản đồ số 15, thửa 2478, diện tích 902,4m² và thửa 1535, diện tích 174.6m². Nguyễn Hồng V5 tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2016, thửa đất trên có 551.2m² được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, quy hoạch chức năng là khu đất ở biệt thự theo quy hoạch hai bên đường V, nhưng Nguyễn Hồng V5 vẫn thẩm định tất cả diện tích đất phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2016, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng đất ở theo kế hoạch quỹ đất tại địa phương. Ngày 11/11/2016, Nguyễn Việt H kiểm tra ký tên thống nhất mảnh trích đo địa chính. Ngày 14/11/2016 Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình, ngày 06/12/2016 chuyển đến Lê Văn V4 ký tờ trình số 392, 393/PTNMT rồi chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B chuyển mục đích sử dụng cho bà T10. Ngày 13/12/2016, Nguyễn Văn T ký quyết định số 3732, 3733/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, theo 04 thửa đất 2546, 2547, 2548, 2549 (tách ra từ thửa 2478), 02 thửa 2544, 2545 (tách ra từ thửa 1535). Trong đó, thửa số 2546, với diện tích 126m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định. Thửa số 2547 với diện tích 168m² có 3,8m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định. Thửa số 2548 với diện tích 316,4m² có 41,9m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định. Thửa số 2549 với diện tích 292m² từ đất trồng cây lâu năm

sang đất ở đô thị trái quy định. Thửa số 2544 với diện tích 114,6 m² có 87,85m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ tám: Ngày 03/10/2016, Lê Thanh Đ1 tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu của ông Lê Đức T8 về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại các thửa 380, 481, 331, 785, 786, 322, 815, tờ bản đồ số 13, với tổng diện tích 3.060,5m². Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2016, 07 thửa đất trên, có 2.345,6m² được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, quy hoạch chức năng là đường giao thông thuộc dự án đường N đến đường T và nhà vườn quy hoạch T. Nhưng Lê Thanh Đ1 xác định phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2016, đáp ứng quỹ đất tại địa phương. Ngày 19/10/2016 và ngày 28/10/2016 Nguyễn Việt H kiểm tra trước khi xuất mảnh trích đo địa chính. Ngày 20/10/2016 và 28/10/2016 Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính chuyển hồ sơ đến Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình. Ngày 13/12/2016 Lê Văn V4 ký các tờ trình số 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411 chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất cho ông T8. Ngày 20/12/2016, Nguyễn Văn T ký 07 quyết định số 3830, 3831, 3832, 3833, 3834, 3835, 3836/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Trong đó, thửa số 380 với diện tích 368.8m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa số 481 với diện tích 169.40m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định. Thửa số 331 với diện tích 1.188,8m² có 1.098,9m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa số 785 với diện tích 292,4m² có 144.4m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định. Thửa số 786 với diện tích 328,70m² có 63,3m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định. Thửa số 322 với diện tích 606,2m² có 394,6m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa số 815, với diện tích 106,2m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ chín: Ngày 21/02/2017, Lê Hồng K tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu của các ông Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thanh D2, Nguyễn Thanh C2 về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị. Cụ thể: ông D2 thửa 2597, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.471,8m², ông C2 thửa 1119, tờ bản đồ số 15, diện tích 714m², ông H3 tại thửa 320, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.018m². Theo Nghị quyết số 65 thì 3.203,8m² đất các thửa đất của ông H3, ông C2, ông D2 xin chuyển mục đích trên là đất thuộc dự án khai thác quỹ đất, khu đô thị M được thu hồi nhưng Lê Hồng K xác định phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2016 và quỹ đất tại địa phương. Ngày 23/02/2017, Nguyễn Việt H kiểm tra hồ sơ ký mảnh trích đo địa chính, cùng ngày Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính để tiếp tục hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho ông H3, ông D2 và ông C2. Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình và ngày 24/02/2017 Lê Văn V4 ký tờ trình số 92, 93, 94 chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 28/02/2017 Nguyễn Văn T ký quyết định số 654, 655, 656 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ mười: Ngày 09/3/2017, Lê Hồng K tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T12 về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị, tại thửa 1347, tờ bản đồ số 15, diện tích 58,3m². Theo Nghị quyết số 65, thửa đất của bà

T12 thuộc trường hợp thu hồi thực hiện dự án khu đô thị M, nhưng Lê Hồng K xác định phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2016 và quỹ đất tại địa phương. Ngày 09/3/2017, Nguyễn Việt H kiểm tra hồ sơ ký mảnh trích đo địa chính. Ngày 10/3/2017 Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình. Ngày 17/3/2017 Lê Văn V4 ký tờ trình số 147 chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B. Ngày 20/3/2017 Nguyễn Văn T ký quyết định số 939 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ mười một: Ngày 29/3/2017, Lê Hồng K tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T12 về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị, tại thửa 2630, tờ bản đồ số 15, diện tích 280m² và thửa 1117, tờ bản đồ số 15, diện tích 392m². Theo Nghị quyết số 65 thì 672m² đất của bà T12 phải thu hồi theo dự án khu đô thị M, nhưng Lê Hồng K xác định phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2016 và quỹ đất tại địa phương. Ngày 29/3/2017, Nguyễn Việt H kiểm tra hồ sơ ký mảnh trích đo địa chính. Ngày 30/3/2017 Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính để tiếp tục hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho bà T12, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình. Ngày 31/3/2017 Lê Văn V4 ký tờ trình số 167, 168 chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B. Ngày 04/4/2017 Nguyễn Văn T ký quyết định số 1382, 1383 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị trái quy định.

Lần thứ mười hai: Ngày 10/5/2017, Lê Hồng K tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đo đạc, lập biên bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T10, ông Tiêu Văn T7, ông Dương Ngọc L, bà Nguyễn Hoàng Vương Linh T13 về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị. Cụ thể: bà T10 yêu cầu thửa 2478, tờ bản đồ số 15, diện tích 662.5m²; ông T7 yêu cầu thửa 1742, tờ bản đồ số 15, diện tích 171,10m²; bà T13 yêu cầu thửa 2575, tờ bản đồ số 15, với diện tích 112,8m² và thửa 2595, tờ bản đồ số 15, diện tích 83,9m²; ông L thửa 2576, tờ bản đồ số 15, với diện tích 80,50m². Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2017, tổng diện tích 1.026,9m² các thửa đất của bà T10, ông T7, ông L và bà T13 xin chuyển mục đích có 937,11m² được phân bổ là đất trồng cây lâu năm, quy hoạch khu chức năng là khu đất ở biệt thự hai bên đường V, nhưng Lê Hồng K xác định phù hợp kế hoạch sử dụng đất ở năm 2017, quy hoạch sử dụng đất và quỹ đất tại địa phương. Ngày 29/5/2017, Nguyễn Việt H kiểm tra hồ sơ ký vào 06 mảnh trích đo địa chính. Cùng ngày 29/5/2017, Lê Văn T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính để tiếp tục hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho ông L, T13. Ngày 05/6/2017, T4 ký duyệt mảnh trích đo địa chính cho ông T7, Huỳnh Trung T1 ký nháy tờ trình. Ngày 10/7/2017 Lê Văn V4 ký tờ trình số 311, 333, 334, 335, 332 chuyển đến Ủy ban nhân dân quận B, ngày 13/7/2017 Nguyễn Văn T ký quyết định số 3307, 3403, 3404, 3405, 3406/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó thửa đất của bà T10 thành 06 thửa: 2885 với diện tích 165,9m², 2886 với diện tích 132,1m², 2887 với diện tích 116,1m², 2888 với diện tích 69,7m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, thửa 2989 với diện tích 80,7m² có 1,91m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định và thửa 2890 với diện tích 98m² có 87m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định, ông T7 từ thửa 1742 tách thành 02 thửa: 2883 với diện tích 87,2m² và thửa 2884 với diện tích 83,9m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị trái quy định.

Như vậy, tổng diện tích đất người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân quận B cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị là 17.299,3m², trong đó có 14.772,02m² không đúng với quy hoạch sử dụng đất 2015 - 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, không đúng với Nghị quyết số 65, Nghị quyết số 66 và Quyết định số 99.

Kết luận định giá tài sản số 29/KL.ĐGTS ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cần Thơ đã xác định giá trị quyền sử dụng đất theo đơn giá 1m² cho từng loại đất và vị trí tiếp giáp, từng thửa đất cụ thể. Tổng diện tích 14.772,02m² đất chuyển mục đích sử dụng trái phép tại 39 thửa, có tổng giá trị là 9.906.433.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn V4, Lê Văn T4, Huỳnh Trung T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt H, Lê Hồng K và Trần Tuấn A phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai”.

1/ *Áp dụng:* điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn V4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/12/2019 đến ngày 01/7/2020.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lê Văn V4 đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2/ *Áp dụng:* điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Trung T1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Huỳnh Trung T1 đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách án treo.

3/ *Áp dụng:* điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 229; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, các Điều 17, 38 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn T đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách án treo.

4/ *Áp dụng*: điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/7/2020 đến ngày 23/12/2020.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lê Văn T4 đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5/ *Áp dụng*: điểm b khoản 1 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6/ *Áp dụng*: điểm b khoản 1 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng K 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/12/2019 đến ngày 13/5/2020.

7/ *Áp dụng*: điểm b khoản 1 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tuấn A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Kiến nghị Ủy ban nhân dân thu hồi 30 Quyết định cho phép chuyển mục đích trái pháp luật đối với 39 thửa đất sai phạm trong vụ án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2022, bị cáo Lê Hồng K kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 17/01/2022, bị cáo Lê Văn T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 28/01/2022, bị cáo Lê Văn T4 có đơn xin rút kháng cáo (BL 9774 - đơn không có xác nhận chữ ký).

Ngày 18/01/2022, bị cáo Lê Văn V4 kháng cáo yêu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 27/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKSCT đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn V4, Huỳnh Trung T1 phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 229 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Văn T4, Lê Hồng K, Nguyễn Việt H, Trần Tuấn A phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 229 Bộ luật Hình sự;

- Tăng hình phạt bị cáo Nguyễn Văn T và không cho bị cáo hưởng án treo, giảm hình phạt đối với bị cáo Lê Văn V4.

- Giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Trung T1, Lê Văn T4, Lê Hồng K, Nguyễn Việt H, Trần Tuấn A.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

+ Bị cáo Lê Hồng K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Bị cáo Lê Văn V4 thay đổi kháng cáo, từ đề nghị hủy bản án sơ thẩm sang xin hưởng án treo.

+ Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

Tòa sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn V4, Huỳnh Trung T1, Lê Văn T4, Nguyễn Việt H, Lê Hồng K và Trần Tuấn A phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo Điều 229 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng Bảng giá đất tại Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C quy định mức giá các loại đất định kỳ 5 năm (2015-2019) làm căn cứ quy đổi giá trị quyền sử dụng đất để xem xét trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là chưa đúng quy định về xác định giá của tài sản khi giải quyết vụ án hình sự dẫn đến áp dụng không đúng điều khoản quy kết đối với các bị cáo. Bị cáo T là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có thẩm quyền quyết định việc chuyển mục đích sử dụng đất vì thế Tòa sơ thẩm cho hưởng án treo là không đảm bảo, nghiêm minh, công bằng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị theo hướng áp dụng điểm b khoản 3 Điều 299 BLHS đối với các bị cáo T, V4, T1 và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 299 BLHS đối với các bị cáo K, H, Tuấn A; không cho hưởng án treo đối với bị cáo T. Bác kháng cáo đối với bị cáo K, V4 và giữ nguyên các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm.

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu:

[1] Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn V4:

Bị cáo V4 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng xin giảm nhẹ hình phạt và một phần của kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ liên quan đến đề nghị giảm nhẹ hình cho bị cáo V4 là có căn cứ, bởi những cơ sở như sau:

1. Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo Vũ ký các Tờ trình đề nghị chuyển mục đích diện tích 3.934,1m² 06 thửa đất ông bà Nguyễn Thanh D2, Nguyễn Thanh C2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị Thu T12 (các lần 9, 10 và 11) trái pháp luật là không có căn cứ.

Theo Bản án sơ đã quyết định tuyên bố bị cáo V4 phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” do ký 29 Tờ trình đề nghị chuyển mục đích diện tích 13.686,02m², trị giá 2.628.258.900 đồng, trong đó:

Không đúng với kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017: 9.751,92m², trị giá: 1.901.624.400 đồng;

Không đúng với Nghị quyết 65 và Nghị quyết 66: 3.934,1m², trị giá 767.149.500 đồng của các lần thứ 9, 10 và 11 với nhận định: “Đối với diện tích chuyển mục đích trái Nghị quyết (giai đoạn năm 2017), mặc dù được xác định phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt theo khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai và hướng dẫn tại Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T17. Nhưng, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố C là văn bản quy phạm pháp luật, được xác định là quy định Nhà nước về quản lý đất đai ở địa phương nên có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có giá trị pháp lý tương ứng”.

Việc nhận định như trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ, bởi những cơ sở như sau:

Thứ nhất, bị cáo Vũ ký các tờ trình đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất 06 thửa đất ông bà Nguyễn Thanh D2, Nguyễn Thanh C2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị Thu T12 là đúng quy định của pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai 2013 quy định về căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”. Sáu thửa đất này phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt (cũng được chính Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định “phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt theo khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai và hướng dẫn tại Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T17”). Do vậy, bị cáo Vũ ký các tờ trình đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất 06 thửa đất này đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, Kết luận giám định tư pháp cũng không xác định việc Phòng TN&MT quận B tham mưu trình UBND quận B cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của 06 thửa đất không phù hợp Nghị quyết số 65 là trái pháp luật.

Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố C có Quyết định trưng cầu giám định số 203/QĐ-CSKT ngày 09/6/2020 về nội dung: “Việc Phòng TN&MT quận B tham mưu trình UBND quận B cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của 06 thửa đất không phù hợp Nghị quyết số 65 ngày 09/12/2016 của H5, Quyết định số 99 ngày 13/01/2017 của U, Công văn số 292 ngày 09/02/2017 của UBND quận B về việc triển khai đề án khai thác quy đất thành phố giai đoạn 2017 - 2021 nêu trên có trái quy định pháp luật không? Nếu có thì trái quy định nào?” thì tại mục 7.6 Kết luận giám định tư pháp ngày 24/8/2020 của T18 – Bộ T17 liên quan đến nội dung trưng cầu giám định đã kết luận: “Theo quy định tại Điều 52 Luật Đất đai, căn cứ đề cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Thứ ba, Nghị quyết số 65 và 66 không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Mặc dù theo khoản 9 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì Nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là một trong những văn bản thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, không phải tất cả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đều là văn bản quy phạm pháp luật, vì Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh còn có thể là văn bản áp dụng pháp luật hoặc văn bản chủ đạo.

Theo Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này...”. Đối chiếu quy định này thì Nghị quyết số 65 và 66 không đáp ứng các quy định để là văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Về nội dung: Nghị quyết số 65 và 66 không có chứa quy phạm pháp luật, chỉ liệt kê danh mục các dự án cần thu hồi năm 2017 và kế hoạch thực hiện đề án khai thác quỹ đất thành phố, giai đoạn 2017 – 2021.

Về hình thức, số hiệu văn bản: Theo khoản 1 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng quy định: “Số, ký hiệu của văn bản quy phạm pháp luật phải thể hiện rõ số thứ tự, năm ban hành, loại văn bản, cơ quan ban hành văn bản”. Tuy nhiên, Nghị quyết số 65, 66 chỉ có số, ký hiệu văn bản và cơ quan ban hành, không có năm ban hành trên phần ký hiệu văn bản.

Do không phải tất cả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đều là văn bản quy phạm pháp luật nên Nghị định 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) có liệt kê một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không phải là văn bản quy phạm pháp luật, theo đó tại điểm g khoản 3 Điều 3 Nghị định này có xác định: “Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch” do Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Do Nghị quyết số 65 và 66 không phải là văn bản quy phạm pháp luật như nhận định của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, nên việc bị cáo Vũ ký các Tờ trình đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất 06 thửa đất ông bà Nguyễn Thanh D2, Nguyễn Thanh C2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị Thu T12 là không trái pháp luật. Bị cáo V4

chỉ còn chịu trách nhiệm đối với việc ký các tờ trình đề nghị cho phép chuyển mục đích trái với kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017: 9.751,92m², trị giá: 1.901.624.400 đồng.

2. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo V4 là người phải chịu trách nhiệm chính vụ án là không có căn cứ.

Mặc dù nhận định bị cáo V4 là người đứng đầu cơ quan chuyên môn, giúp việc cho Ủy ban nhân dân quận T quản lý đất đai, có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị chuyển mục đích, ký Tờ trình tham mưu trực tiếp cho UBND quận, không có quyền và cũng không phải là người ký cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm lại xác định bị cáo V4 là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, việc xác định này là không có căn cứ, bởi những cơ sở như sau:

Thứ nhất, bị cáo V4 không phải là người có thẩm quyền, người ký cho phép chuyển mục đích. Theo khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 quy định về vị trí và chức năng của Phòng T theo đó: “Phòng T là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, biến đổi khí hậu, biển và hải đảo (đối với các huyện có biển, đảo)”. Với vai trò Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận thì bị cáo V4 chỉ là người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân quận. Trong khi đó, theo Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền cho phép chuyển mục đích đối với cá nhân, hộ gia đình là UBND cấp huyện.

Thứ hai, bị cáo V4 chỉ ký 29 Tờ trình với số diện tích trái pháp luật chỉ đứng thứ hai trong số các bị cáo, không phải là cao nhất.

Thứ ba, bị cáo Vũ ký do hoàn toàn tin tưởng cấp dưới đã kiểm tra, thẩm định đối chiếu hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, và đặc biệt trong tờ trình đã có chữ ký nháy của bị cáo Huỳnh Trung T1 nên bị cáo V4 chỉ kiểm tra lại thủ tục, thành phần hồ sơ và ký vào các tờ trình này.

Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại trách nhiệm của bị cáo V4 trong vụ án.

3. Bản án sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo V4:

Bị cáo V4 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chỉ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS là chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo V4, bởi vì bị cáo V4 còn có các tình tiết giảm nhẹ TNHS sau đây:

Bị cáo V4 được tặng 27 danh hiệu thi đua, bằng khen, giấy khen các cấp. Trong đó, có 07 bằng khen, danh hiệu có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, có 03 năm liên tục được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS (Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác). Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo V4 là chưa đúng theo Nghị quyết số

01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao.

Viện kiểm sát nhận định từ các lời khai của các bị cáo T1, V4, K, T4, H, Tuấn A liên quan đến trường hợp người sử dụng đất Lê Đức T8 xin chuyển mục đích sử dụng đất đã giúp các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập, đánh giá chứng cứ để giải quyết được toàn bộ vụ án. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS (Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án).

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cũng kháng nghị đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo V4.

Ngoài ra, sau khi trừ 06 thửa đất trái Nghị quyết thì bị cáo V4 có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ nữa đó là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất do Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là giá để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Luật sư cho rằng, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng giá trị chuyển mục đích theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành làm căn cứ quy đổi để xem xét trách nhiệm hình sự các bị cáo là có căn cứ, bởi những cơ sở như sau:

Thứ nhất, bảng giá đất theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C quy định giá giai đoạn 2015 – 2019, trong giai đoạn xảy ra vụ việc chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó có quy định về “Tính tiền cho Nhà nước khi thiệt hại trong quản lý đất đai”.

Thứ hai, việc định giá ở thời điểm sau này mà định giá ngược lại thời điểm năm 2015, 2016, 2017 là không khách quan, gây bất lợi cho các bị cáo.

Thứ ba, trong Hội đồng định giá có Chánh Thanh tra thành phố Cần Thơ là người ký chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra, đồng thời lại là thành viên của Hội đồng định giá, nên việc định giá không đảm bảo khách quan. Mặt khác, trong Hội đồng định giá có ông Tạ Chí N2 nhưng không ký tên vào Biên bản là không đúng quy định.

Như vậy, sau khi trừ diện tích 3.934,1m² đối với 06 thửa đất ở các lần 9, 10 và 11 thì phần diện tích bị cáo Vũ ký tờ trình không đúng với kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017: 9.751,92m², trị giá: 1.901.624.400 đồng. Bị cáo Vũ chỉ chịu trách nhiệm về tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” với tình tiết định khung “Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp” theo điểm b khoản 1 Điều 229 Bộ luật Hình sự, với khung hình phạt: Bị cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc tù từ 06 tháng đến 03 năm (theo điểm a khoản 1 Điều 9 BLHS là tội phạm ít nghiêm trọng).

Bị cáo V4 có nhân thân tốt, có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên (trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự), có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội...đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022).

[2] Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Hồng K:

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên đã rút bớt một phần diện tích quy kết bị cáo K làm trái quy định là có căn cứ. Tuy nhiên, riêng diện tích 930,9m² không được Tòa sơ thẩm chấp nhận rút là chưa đầy đủ. Bởi theo nội dung “Quyết định số: 721/QĐ-SNV ngày 13/10/2016” của Sở Nội vụ thành phố C, cụ thể tại điều 1 Quyết định: thì việc tiếp nhận bị cáo Lê Hồng K “vào công tác tại Phòng T thuộc Ủy ban nhân dân quận B” vào ngày ban hành quyết định (tức ngày: 13/10/2016), thực tế bị cáo K tham gia ký hai biên bản lần 3 và lần 5 khi chưa được phân công nhiệm vụ là cần phải loại trừ trách nhiệm.

Mặt khác, trước đây tại các Kết luận điều tra số: 62/KLĐT-CSKT ngày 16/9/2020 và 83/KLĐT-CSKT ngày 12/12/2020 cũng đã từng không đưa hai lần 3 và 5 để quy kết trách nhiệm bị cáo K.

Đồng thời Công văn số: 2726/STNMT-CCQLĐĐ ngày 12/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C gửi Cơ quan cảnh sát điều tra – công an thành phố C, về việc “hỗ trợ cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ giải quyết kiến nghị của Thanh tra tp. Cần Thơ” để phúc đáp Công văn số: 49/CSĐT-KT ngày 13/6/2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra – công an thành phố C; theo Công văn số: 2726 có đoạn “..Tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất đối với khu đất của gia đình ông Nguyễn Văn H3 tại tờ bản đồ số 15, phường L (tháng 2, tháng 3, tháng 4 năm 2017) Ủy ban nhân dân quận B căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của Ủy ban quận B đã được phê duyệt để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai hiện hành quy định...”.

Như vậy hành vi của bị cáo hoàn toàn phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, Điều 69 Nghị định 43, Điều 7 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT, Kết luận giám định tư pháp ngày 24/8/2020 của T18 và Công văn số: 2726/STNMT-CCQLĐĐ ngày 12/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn bảo lưu kháng nghị số: 04/QĐ-VKSCT của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ ngày 27/1/2022 và phát biểu kết luận: căn cứ vào khoản 8 Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật là hoàn toàn chưa phù hợp với khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, theo điều luật quy định “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp luật cao hơn”.

Ngoài ra tại Điều 1 Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố C, theo đó “Thống nhất dừng thực hiện Đề án khai thác

quỹ đất thành phố, giai đoạn năm 2017-2021 (Khu đô thị M, quận B và Khu đất Nhà nước quản lý tiếp giáp đường T nối dài, quận N) theo Nghị quyết 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố C” do còn nhiều bất cập, thiếu sót, tồn đọng trong quá trình thực hiện Nghị quyết 66.

Đây là vấn đề chuyển biến tình hình xã hội, hoàn toàn có lợi cho các bị cáo, trong đó có bị cáo Lê Hồng K và cũng phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình, hiện đang có nghĩa vụ nuôi 03 (ba) con còn nhỏ đang trong lứa tuổi đến trường và cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của bị cáo Lê Hồng K. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng K.

[3] Luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trung T1:

Sau khi Tòa sơ thẩm xét xử có phát sinh thêm tình tiết mới có lợi cho bị cáo đó là Hội đồng nhân dân thành phố C đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 tạm ngưng khai thác quỹ đất thuộc dự án nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Huỳnh Trung T1 phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 229 Bộ luật hình sự và đề nghị tuyên phạt bị cáo Huỳnh Trung T1 mức án từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo nhưng bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo T1 2 năm tù cho hưởng án treo, cao hơn mức án mà phía Viện kiểm sát đề nghị. Sau khi có bản án sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng bản án sơ thẩm đã áp dụng và tuyên phạt bị cáo T1 theo khung hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2, khoản 4 Điều 229 là không chính xác mà phải áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 229 và đề nghị tòa phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì luật sư cho rằng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ mặc dù truy tố bị cáo T1 ở khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 229 Bộ luật hình sự nhưng chỉ đề nghị ở mức án 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo (thấp hơn mức án bản án sơ thẩm tuyên theo khung hình phạt tại điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 229). Lẽ ra, kháng nghị Viện kiểm sát đề xuất giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 là phù hợp. Sau khi ban hành bản án sơ thẩm có phát sinh thêm tình tiết mới tức là Hội đồng nhân dân thành phố C đã ban hành nghị quyết số 48 tạm ngưng khai thác quỹ đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cần Thơ, đây là tình tiết mới theo hướng có lợi cho bị cáo. Ngoài ra kháng nghị của Viện kiểm sát cũng đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 cho bị cáo T1.

Do đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giảm mức hình phạt cho bị cáo Huỳnh Trung T1.

+ Bị cáo Lê Văn T4 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt H và Trần Tuấn A thừa nhận sai phạm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt mà tòa sơ thẩm đã tuyên.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải và mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và kháng cáo của các bị cáo đúng quy định tại các Điều 332, 333, 336 và 337 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 02/11/2015 đến ngày 13/7/2017, các bị cáo Lê Văn V4, Huỳnh Trung T1, Lê Văn T4, Nguyễn Việt H, Lê Hồng K, Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T đã thực hiện quy trình, thủ tục và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm, đất trồng lúa sang đất ở đô thị đối với người sử dụng đất là các hộ gia đình, cá nhân tại phường L, quận B trái với kế hoạch sử dụng đất các năm 2015, 2016, 2017 của quận B, thành phố Cần Thơ đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trái với Nghị quyết số 65/NQ-HĐND; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND cùng ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố C về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi trong năm 2017, chủ trương thực hiện đề án khai thác quỹ đất thành phố giai đoạn 2017 – 2021 và Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức quản lý quy hoạch chi tiết 1/2000 không đề tình trạng chia lô, phân nền trái phép, xây dựng nhà và công trình kiến trúc vi phạm quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Các sai phạm của các bị cáo được xác định cụ thể như sau:

Nguyễn Văn T, Phó Chủ tịch thường trực UBND quận B ký 30 Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với 39 thửa đất, với tổng diện tích là 14.772,02 m²; Lê Văn V4 ký 29 tờ trình đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích 13.686,02 m²; Huỳnh Trung T1 kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình đề Lê Văn V4 ký 29 tờ trình và Trương Tấn T16 ký 01 tờ trình đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích 12.634,53 m²; Lê Văn T4 đã ký duyệt Mạnh trích đo địa chính của 07 thửa đất với diện tích 5.713,17 m²; Nguyễn Việt H ký kiểm tra “Mạnh trích đo địa chính” đối với 08 thửa đất, diện tích 5.776,37 m²; Lê Hồng K trực tiếp đo đạc, thẩm định nhu cầu sử dụng đất 18 thửa đất, diện tích 5.886,01 m²; Trần Tuấn A trực tiếp đo đạc, thẩm định 06 thửa đất, diện tích 4.782,27 m².

Như vậy, tổng diện tích đất người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân quận B cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị là 17.299,3m², trong đó có 14.772,02m² không đúng với quy hoạch sử dụng đất 2015 - 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, không đúng với Nghị quyết số 65, Nghị quyết số 66 và Quyết định số 99.

Kết luận định giá tài sản số 29/KL.ĐGTS ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cần Thơ đã xác định giá trị quyền sử dụng đất theo đơn giá 1m² cho từng loại đất và vị trí tiếp giáp, từng thửa đất cụ thể. Tổng diện tích 14.772,02m² đất chuyển mục đích sử dụng trái phép tại 39 thửa, có tổng giá trị là 9.906.433.000 đồng.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và kháng cáo của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với kháng nghị về tình tiết định khung hình phạt.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội khi không thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, công vụ được giao. Đó là:

Trách nhiệm thẩm định nhu cầu sử dụng đất thuộc về Phòng T, nhưng từng cá nhân đã không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ như khi cần thiết phải ghép tham chiếu với bản đồ để đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nên cán bộ trực thuộc chịu trách nhiệm tương ứng đối với từng vị trí. Do đó, các bị cáo (V4, T1, T4, H, K, Tuấn A) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trái quy định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm về tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo Điều 229 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T không lập hồ sơ nhưng là người trực tiếp ký quyết định cho phép chuyển mục đích. Mặc dù bị cáo T khai: hồ sơ chuyển đến bị cáo đã được thẩm định toàn diện và có đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên bị cáo hoàn toàn không thể biết khi ký quyết định cho phép chuyển mục đích là trái pháp luật không phải là căn cứ loại trừ trách nhiệm của bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo với vai trò là Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực tài nguyên môi trường được phân công thẩm quyền liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất. Vào cuộc họp ngày 10/9/2015, Phòng T báo cáo khó khăn, vướng mắc khi chuyển mục đích “đất ở biệt thự, đất ở mật độ thấp, đất ở mật độ cao, đất ở lô phố thuộc quy phân khu tỷ lệ 1/2000 hai bên đường V” và bị cáo chỉ đạo xin ý kiến cấp trên, nhưng sau đó bị cáo không có sự kiểm tra dẫn đến việc chưa có hướng dẫn mà bị cáo vẫn ký quyết định cho phép chuyển mục đích và hậu quả các quyết định đều trái pháp luật. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi sai phạm của mình.

Như vậy, với các Quyết định đã được Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị T và hai bên đường Võ Văn K5 cùng các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố C thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2017 và các dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) trong đó có Dự án Khu đô thị mới Võ Văn K5 cùng chủ trương thực hiện đề án khai thác quỹ đất thành phố, giai đoạn 2017-2021 (Khu đô thị M, quận B và khu đất nhà nước quản lý tiếp giáp đường T nối dài, quận N) thì

các trường hợp các bị cáo tiếp nhận yêu cầu xin chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên để cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lẽ ra đều không được phép thực hiện. Nên hành vi của các bị cáo là hành vi trái pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai gây thiệt hại cho Nhà nước. Do đó Tòa sơ thẩm tuyên bố các bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo Điều 229 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên rút một phần truy tố đối với bị cáo T1 về 2.137,49m², bị cáo K 1.087m² ở lần thứ 5 và 930,9m² ở lần thứ 3. Tòa sơ thẩm chấp nhận việc rút truy tố đối với thiệt hại giá trị 2.137,49m² đối với bị cáo T1; 1.087m² đối với bị cáo K, nhưng không chấp nhận rút truy tố đối với 930,9m² đối với bị cáo K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, từng diện tích có giá trị quyền sử dụng đất được quy đổi thành tiền đối với từng bị cáo như sau:

Nguyễn Văn T ký 30 Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với 39 thửa đất, tổng diện tích là 14.772,02 m², thành tiền là 2.840.223.900 đồng; Lê Văn V4 ký 29 tờ trình đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, tổng diện tích 13.686,02m², thành tiền 2.628.258.900 đồng; Huỳnh Trung T1 kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình đề Lê Văn V4 ký 29 tờ trình và Trương Tấn T16 ký 01 tờ trình đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, tổng diện tích 12.634,53m², thành tiền 2.423.413.350 đồng; Lê Văn T4 đã ký duyệt Mảnh trích đo của 07 thửa đất, diện tích 5.713,17m², thành tiền 1.114.068.150 đồng; Nguyễn Việt H ký kiểm tra “Mảnh trích đo địa chính”, đối với 08 thửa đất, diện tích 5.776,37m², thành tiền 1.126.392.150 đồng; Lê Hồng K trực tiếp đo đạc, thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với 18 thửa đất, diện tích 5.886,1m², thành tiền 1.091.091.450 đồng; Trần Tuấn A trực tiếp đo đạc, thẩm định 06 thửa đất, diện tích 4.782,27m², thành tiền 932.542.650 đồng.

Số tiền được quy đổi nêu trên, cấp sơ thẩm không áp dụng theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Cần Thơ mà áp dụng theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C được xây dựng định kỳ 05 năm một lần (trong giai đoạn 2015 – 2019) trong đó: giá đất cây lâu năm là 195.000 đồng/m², đất trồng lúa là 135.000 đồng/m² là có căn cứ theo đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 114 Luật đất đai năm 2013.

Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định:

“2. Bảng giá đất được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

...

đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

...”

Các bị cáo là cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ trong cơ quan có trách nhiệm về quản lý đất đai nhưng đã lợi dụng/lạm dụng trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao dẫn đến thiệt hại cho nhà nước. Do đó cấp sơ thẩm áp dụng giá đất chuyển mục đích theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành làm căn cứ quy đổi để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là phù hợp, khách quan, toàn diện và đúng quy định của pháp luật. Vì thế kháng nghị

của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về áp dụng tình tiết định khung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn V4, Huỳnh Trung T1 phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 229 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Văn T4, Lê Hồng K, Nguyễn Việt H, Trần Tuấn A phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 229 Bộ luật Hình sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng nghị về hình phạt và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nghiêm trọng. Các bị cáo là những cán bộ, công chức trực tiếp thực thi công vụ về quản lý đất đai ở địa phương nhưng đã làm sai chủ trương, thực hiện trái pháp luật trong việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, xâm phạm đến quỹ đất thành phố, gây ảnh hưởng cảnh quan đô thị và định hướng quy hoạch đã đề ra. Các bị cáo biết rõ hoặc buộc phải biết nhưng vẫn cố ý thực hiện hoặc bỏ mặc cho sự việc xảy ra khi không có sự kiểm tra, giám sát dẫn đến hệ quả là các Quyết định cho phép chuyển mục đích đều trái pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, mà cụ thể là các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai về cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, làm phá vỡ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước nên cần xử lý nghiêm để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy, trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Bị cáo T được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3 và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Các bị cáo V4, K, T4 được tặng thưởng nhiều danh hiệu và nhiều năm được công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác” theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo T, bị cáo T1 có gia đình truyền thống cách mạng; các bị cáo V4, H, K, Tuấn A đều có đóng góp tích cực cho hoạt động an sinh xã hội chung tay vì cộng đồng nên xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời ngày 31/5/2023 Tòa án nhân dân cấp cao nhận được Công văn số 217/HĐND-TT của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố C và Công văn số 1756/STNMT-TTPTQĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C trả lời liên quan đến Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố C có nội dung:

“- Ngày 09 tháng 12 năm 2022, Hội đồng nhân dân thành phố C ban hành Nghị quyết số 48/NQ-HĐND về việc dừng thực hiện Đề án khai thác quỹ đất thành

phố, giai đoạn 2017-2021 (Khu đô thị M, quận B và khu đất Nhà nước quản lý tiếp giáp đường T nội dài, quận N).

- Lý do dừng thực hiện Đề án khai thác quỹ đất thành phố, giai đoạn 2017-2021 là vì hết thời gian thực hiện Đề án nhưng không đạt mục tiêu đề ra”.

Như vậy dự án mà các bị cáo có sai phạm dừng thực hiện. Do đó người dân sử dụng đất tại dự án nêu trên không bị chi phối bởi các Quyết định của UBND thành phố C và Nghị quyết của HĐND thành phố H5 đối với Khu đô thị mới V, quận B và khu đất nhà nước quản lý tiếp giáp đường T nội dài, quận N. Từ đó Nhà nước không bị thiệt hại khi không tiến hành thu hồi và thực hiện bồi thường đối với các diện tích đất mà các bị cáo đã thực hiện để cho người dân được phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất khi phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Hậu quả do hành vi gây thiệt hại của các bị cáo và tính nguy hiểm giảm đi đáng kể. Đây là chuyển biến tình hình do thay đổi chính sách của chính quyền địa phương, được coi là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có mục đích vụ lợi, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó kháng nghị của VKS nhân dân thành phố C về không cho bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng án treo và giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn T4, Lê Hồng K không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về giảm hình phạt đối với bị cáo Lê Văn V4 và giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Trung T1, Nguyễn Việt H và Trần Tuấn A.

Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn V4, Lê Hồng K.

Đối với bị cáo Lê Văn T4, ngày 17/01/2022, bị cáo Lê Văn T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 28/01/2022, bị cáo Lê Văn T4 có đơn xin rút kháng cáo. Việc rút đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong thời hạn kháng cáo nên coi như không kháng cáo. Tuy nhiên xét thấy, như phân tích ở trên về chuyển biến tình hình và căn cứ vào nhân thân, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự để xem xét áp dụng hình phạt đối với cả bị cáo không có kháng cáo.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 và khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về áp dụng tình tiết định khung, không cho bị cáo Nguyễn Văn T hưởng án treo và giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T4, Lê Hồng K.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về giảm hình phạt đối với bị cáo Lê Văn V4 và giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Trung T1, Nguyễn Việt H và Trần Tuấn A.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn V4, Lê Hồng K và Lê Văn T4.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn V4, Lê Văn T4, Lê Hồng K.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn V4, Lê Văn T4, Huỳnh Trung T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt H, Lê Hồng K và Trần Tuấn A phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 229; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn V4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04/7/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lê Văn V4 đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Trung T1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Huỳnh Trung T1 đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách án treo.

3. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 229; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, các Điều 17 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn T đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách án treo.

4. Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 229; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04/7/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường L, quận B, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lê Văn T4 đảm nhận chức vụ trong công tác quản lý đất đai trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 229; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng K 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04/7/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 229; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tuấn A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn chấp hành thời gian thử thách án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/01/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

[4] Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- UBND Phường nơi b/c cư trú (7);
- BCTN (7);
- Lưu (6). HS (2) 28b (Án 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long